

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2022

V/v “T/c hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thật

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Anh Huy

2. Ông Lê Văn Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô, xã P1, huyện T, tỉnh Long An.

*Ông P và ông T1 vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn P:* Trong quá đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P xác định khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền nợ hui là 72.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn T1:* Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, ông T1 đồng ý trả số tiền 72.500.000 đồng cho ông P.

***Các tình tiết của vụ án:***

***Những nội dung các đương sự thống nhất:***

Ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất trình bày: Vào năm 2020, ông P có tham gia 01 dây hội do ông Nguyễn Văn T1 làm chủ thảo hội. Cụ thể: Hội khai ngày 30/3/2020, một tháng khai một lần, dây hội gồm 16 phần, hội 5.000.000 đồng, ông P tham gia hai phần, dây hội này đã mãn. Ông P hót 01 phần hội vào kỳ số 13, phần này ông T1 đã giao đủ tiền cho ông P. Một phần hội còn lại ông P hót hội cuối được số tiền 75.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, số tiền ông T1 còn phải giao ông P là 72.500.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay ông T1 vẫn chưa giao tiền hội cho ông P. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền hội là 72.500.000 đồng.

***Những nội dung các đương sự không thống nhất được:***

Ông P yêu cầu ông T1 trả một lần số tiền nợ hội 72.500.000 đồng. Ông T1 đồng ý trả số tiền nợ hội nhưng yêu cầu được trả dần do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và lời khai của bị đơn thì bị đơn thừa nhận nội dung vụ việc đúng như nguyên đơn trình bày về quá trình chơi hội, nguyên đơn tham gia 02 phần hội của dây hội 5.000.000 đồng, gồm 16 phần, ông P hót một phần hội kỳ 13, ông T1 đã giao đủ, còn một phần hội ông P hót kỳ cuối, phần hội này ông T1 chưa giao, ông T1 thống nhất còn nợ ông P số tiền 72.500.000 đồng. Ông P khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ hội, ông T1 đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng góp hội” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông P và ông T1: Ông P và ông T1 có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của

Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P và ông T1.

[3] Về nội dung vụ án: Ông P khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ hui là 72.500.000 đồng. Ông P và ông T1 thống nhất ông P tham gia dây hui khai ngày 30/3/2020, thống nhất số phần hui tham gia, số tiền ông T1 còn nợ và dây hui này đã mãn. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P thì ông T1 đồng ý trả số tiền nợ hui là 72.500.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông P đối với ông T1 về số tiền nợ hui là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền nợ hui 72.500.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, ông P xác định không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hoá về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[8] Về án phí: Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền 3.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với ông Nguyễn Văn T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền nợ hui 72.500.000 đồng (bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

## 2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền 3.625.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông P số tiền 1.812.500 đồng (Một triệu, tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010973 ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thật**